

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 50

135
G T
H A P
I Á T T
E Đ I E
H O N
- T P

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại Biệt thự số 41, Khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, Tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch	
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61141397/18956583-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



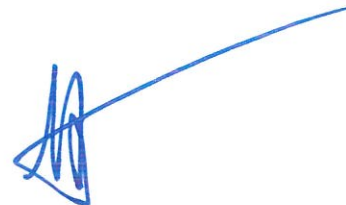
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		768.877.823.874	837.739.419.817
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	153.707.069.113	102.917.130.476
111	1. Tiền		46.307.069.113	51.964.130.476
112	2. Các khoản tương đương tiền		107.400.000.000	50.953.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		19.567.295.740	4.751.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	67.295.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	-	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	19.500.000.000	3.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		394.957.673.793	607.098.095.849
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	316.817.127.655	528.648.616.598
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	42.050.278.239	33.515.767.145
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	28.286.650.000	29.875.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	34.772.251.186	40.737.277.003
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,7,8	(26.968.633.287)	(25.678.564.897)
140	IV. Hàng tồn kho	9	197.328.377.409	119.697.125.564
141	1. Hàng tồn kho		197.328.377.409	119.943.012.890
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(245.887.326)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.317.407.819	3.275.524.021
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		579.406.213	574.208.876
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.738.001.606	2.701.315.145

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		287.807.352.880	322.730.991.079
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		39.917.664.544	57.734.973.962
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	39.725.672.044	57.632.688.962
216	2. Phải thu dài hạn khác		191.992.500	102.285.000
220	II. Tài sản cố định		111.293.445.343	127.727.451.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	106.373.654.764	123.528.970.915
222	Nguyên giá		191.279.706.908	216.691.978.550
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(84.906.052.144)	(93.163.007.635)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.919.790.579	4.198.480.338
228	Nguyên giá		13.941.282.381	13.448.574.227
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.021.491.802)	(9.250.093.889)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		341.791.885	341.791.885
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		341.791.885	341.791.885
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	134.126.741.028	133.908.316.705
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		5.852.970.129	6.260.740.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		133.768.815.457	131.553.815.457
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.495.044.558)	(3.906.238.752)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.127.710.080	3.018.457.274
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.069.560.860	1.383.893.584
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	28.3	1.058.149.220	1.634.563.690
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.056.685.176.754	1.160.470.410.896

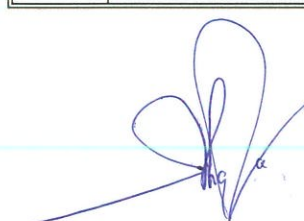
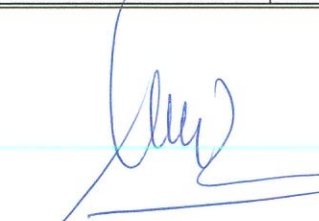

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		263.084.510.399	374.383.071.286
310	I. Nợ ngắn hạn		208.242.400.850	282.569.175.776
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	72.582.173.571	133.171.828.774
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	11.021.227.760	19.807.398.197
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.473.660.535	13.286.570.146
314	4. Phải trả người lao động		5.179.020.792	19.694.335.534
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.777.410.872	6.169.536.781
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		290.176.000	289.408.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.480.236.083	3.403.332.921
320	8. Vay ngắn hạn	16	82.037.310.451	76.748.388.917
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	13.047.974.413	2.982.328.639
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	13.353.210.373	7.016.047.867
330	II. Nợ dài hạn		54.842.109.549	91.813.895.510
338	1. Vay dài hạn	16	54.842.109.549	65.049.335.834
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	17	-	26.764.559.676
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		793.600.666.355	786.087.339.610
410	I. Vốn chủ sở hữu		793.600.666.355	786.087.339.610
411	1. Vốn cổ phần	19.1	509.282.430.000	465.973.750.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		509.282.430.000	465.973.750.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	88.677.010.000	88.697.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	19.1	(236.900.000)	(1.353.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	37.410.255.576	35.775.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.1	5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	141.234.319.028	180.012.576.856
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		96.401.694.856	85.273.429.875
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		44.832.624.172	94.739.146.981
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	12.033.551.751	11.781.747.178
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.056.685.176.754	1.160.470.410.896

Người lập: Chu Hồng Hạnh Kế toán trưởng: Đặng Thị Thanh Minh Tổng Giám đốc: Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	561.394.684.029	1.301.579.187.148
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	561.394.684.029	1.301.579.187.148
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(420.482.253.701)	(1.023.490.251.526)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		140.912.430.328	278.088.935.622
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	12.063.225.283	17.260.738.239
22	7. Chi phí tài chính	24	(1.041.538.950)	(14.456.415.781)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.815.083.267)	(10.748.143.428)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	12	(407.769.871)	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	(2.365.492.590)	(36.769.772.678)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(96.894.557.800)	(134.373.436.893)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.266.296.400	109.750.048.509
31	12. Thu nhập khác	26	5.267.031.718	4.262.402.953
32	13. Chi phí khác	26	(699.972.208)	(2.446.035.899)
40	14. Lợi nhuận khác	26	4.567.059.510	1.816.367.054
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		56.833.355.910	111.566.415.563
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(11.172.512.695)	(17.526.272.784)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(576.414.470)	97.751.647
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		45.084.428.745	94.137.894.426
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		44.832.624.172	94.739.146.981
62	20. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21	251.804.573	(601.252.555)

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	885	1.720
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	885	1.720



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

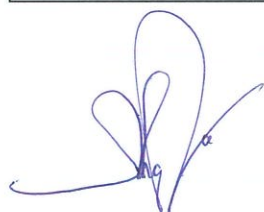
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		56.833.355.910	111.566.415.563
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		23.488.348.571	33.360.478.305
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		(17.028.598.865)	43.736.079.630
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		124.564.970	841.035.431
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.567.831.481)	(14.612.696.324)
06	Chi phí lãi vay	24	1.815.083.267	10.748.143.428
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.664.922.372	185.639.456.033
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		220.641.658.859	(111.453.717.209)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(69.088.090.801)	43.957.032.250
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(98.358.343.256)	39.694.700.345
12	Giảm chi phí trả trước		309.135.387	8.657.806.489
13	Giảm giảm chứng khoán kinh doanh		4.346.920.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả	14	(1.804.479.178)	(10.925.310.358)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.068.808.919)	(24.327.333.140)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.162.837.494)	(3.304.734.037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		96.480.076.970	127.937.900.373
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(5.956.640.000)	(16.117.872.952)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.600.000.000	541.868.342
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(51.632.000.000)	(25.230.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		37.770.350.000	19.513.700.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.215.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.530.497.600	3.900.016.491
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.597.811.719	2.716.807.734
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.304.980.681)	(14.675.480.385)

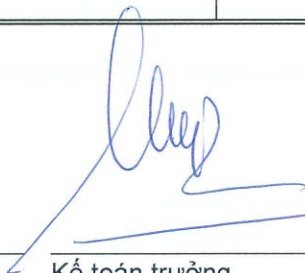
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		9.980.000.000	7.985.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(48.900.000)	(71.500.000)
33	Tiền thu từ đi vay		182.880.016.729	522.259.718.704
34	Tiền trả nợ gốc vay		(196.233.571.786)	(584.249.206.340)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(36.960.976.670)	(27.445.460.640)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(40.383.431.727)	(81.521.448.276)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50.791.664.562	31.740.971.712
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	102.917.130.476	70.756.440.806
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.725.925)	419.717.958
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	153.707.069.113	102.917.130.476



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại Biệt thự số 41, Khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, Tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 300 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 316).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 3 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
2	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51%	51%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng.
3	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Chứng từ ghi sổ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán của Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu các dự án đầu tư hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

357
3 T)
PHẢI
HẬT
CHẾ Đ
THC
Y -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	2.278.539.391	1.825.182.080
Tiền gửi ngân hàng	44.028.529.722	50.138.948.396
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>107.400.000.000</u>	<u>50.953.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>153.707.069.113</u>	<u>102.917.130.476</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,8% đến 6%/năm.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	182.880.016.729	522.259.718.704
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(196.233.571.786)	(584.249.206.340)

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Chứng khoán kinh doanh					
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	67.295.740	206.093.355	-	67.295.740	103.250.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	4.346.920.000	1.384.248.167
TỔNG CỘNG	67.295.740	206.093.355	-	4.414.215.740	1.487.498.167
					(2.962.671.833)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	19.500.000.000	19.500.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000
TỔNG CỘNG	19.500.000.000	19.500.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 8 tháng với lãi suất 5,4%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	306.951.603.443	522.208.813.312
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	85.556.941.930	46.353.030.630
- Ban Quản lý Dự án Hệ thống Quản lý Hành hải Tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu	23.521.073.605	60.066.760.096
- Công ty Comverse Limited	22.761.970.000	20.081.101.000
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	21.770.000.000	21.726.000.000
- Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	136.972.379.433
- Các khoản phải thu khách hàng khác	153.341.617.908	237.009.542.153
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	9.865.524.212	6.439.803.286
TỔNG CỘNG	316.817.127.655	528.648.616.598
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng	39.725.672.044	57.632.688.962
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	39.725.672.044	57.632.688.962
TỔNG CỘNG	39.725.672.044	57.632.688.962
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.028.357.873)	(3.112.032.414)
Trong đó:		
Ngắn hạn	(9.028.357.873)	(3.112.032.414)
Dài hạn	-	-

(*) Khoản phải thu từ Cục Hàng hải Việt Nam được sử dụng để thế chấp cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 16.2.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	29.050.278.239	20.515.767.145
- Hudson Capital Holding Ltd	8.288.252.280	-
- ISG Technology Pte Ltd	6.124.815.600	-
- Công ty TNHH Techconvina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Deltatech	2.840.872.250	2.840.872.250
- Công ty TNHH Nhà Nguyễn	-	5.120.219.947
- Công ty Cổ phần Giải pháp Giao thông Thông minh	296.759.084	2.619.000.000
- Các khoản trả trước khác	6.117.698.505	4.553.794.428
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	42.050.278.239	33.515.767.145

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cho vay Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	14.400.000.000	14.400.000.000
Cho vay ngắn hạn khác (*)	13.886.650.000	15.475.000.000
TỔNG CỘNG	28.286.650.000	29.875.000.000

Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi (9.400.000.000) (14.400.000.000)

(*) Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn một công ty và một số cá nhân với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 6% đến 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

8. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	7.525.988.775	13.501.538.353
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.800.000.000	4.800.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.689.885.279	4.289.885.279
Phải thu từ các cá nhân	3.353.760.366	4.353.760.366
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	1.916.209.769
Phải thu khác	13.486.406.997	11.875.883.236
TỔNG CỘNG	34.772.251.186	40.737.277.003

Dự phòng phải thu khác khó đòi (8.540.275.414) (8.166.532.483)

Trong đó:
 Phải thu khác 31.082.365.907 36.447.391.724
 Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29) 3.689.885.279 4.289.885.279

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đi đường	2.677.382.615	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.500.000	-	14.500.000	-
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	149.481.406.383	-	72.485.902.351	-
Thành phẩm	128.563.045	-	215.928.856	-
Hàng hóa	45.023.993.366	-	47.224.149.683	(245.887.326)
TỔNG CỘNG	197.328.377.409	-	119.943.012.890	(245.887.326)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	245.887.326	1.739.756.107
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	1.365.273.660
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(245.887.326)	(192.043.386)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(2.667.099.055)
Số cuối năm	-	245.887.326

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:								
Số dư đầu năm	79.913.023.542	84.528.453.523	29.378.039.985	22.723.415.406	149.046.094	216.691.978.550		
- Mua trong năm	-	2.394.577.449	-	3.174.387.106	-	5.568.964.555		
- Đầu tư XDCB hoàn thành	206.272.727	-	-	-	-	206.272.727		
- Phân loại lại	-	25.091.734	-	88.154.360	(113.246.094)	-		
- Thanh lý, nhượng bán	(1.568.914.285)	(16.205.969.019)	(10.138.800.853)	(3.273.824.767)	-	(31.187.508.924)		
Số dư cuối năm	78.550.381.984	70.742.153.687	19.239.239.132	22.712.132.105	35.800.000	191.279.706.908		
Trong đó:								
Đã khấu hao hết	-	4.685.227.417	6.521.672.410	299.444.000	35.800.000	11.542.143.827		
Giá trị khấu hao lũy kế								
Số dư đầu năm	13.185.703.952	47.247.830.309	21.759.254.689	10.902.039.973	68.178.712	93.163.007.635		
- Khấu hao trong năm	3.040.260.815	12.752.238.875	2.347.422.027	3.956.351.979	5.369.983	22.101.643.679		
- Phân loại lại	-	(50.405.665)	-	88.154.360	(37.748.695)	-		
- Thanh lý, nhượng bán	(740.004.531)	(16.205.969.019)	(10.138.800.853)	(3.273.824.767)	-	(30.358.599.170)		
Số dư cuối năm	15.485.960.236	43.743.694.500	13.967.875.863	11.672.721.545	35.800.000	84.906.052.144		
Giá trị còn lại:								
Số dư đầu năm	66.727.319.590	37.280.623.214	7.618.785.296	11.821.375.433	80.867.382	123.528.970.915		
Số dư cuối năm	63.064.421.748	26.998.459.187	5.271.363.269	11.039.410.560	-	106.373.654.764		

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 16.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	13.405.534.346	43.039.881	13.448.574.227
- Mua trong năm	2.108.015.133	-	2.108.015.133
- Thanh lý, nhượng bán	(1.615.306.979)	-	(1.615.306.979)
Số dư cuối năm	13.898.242.500	43.039.881	13.941.282.381
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	5.337.076.386	-	5.337.076.386
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	9.227.856.627	22.237.262	9.250.093.889
- Hao mòn trong năm	1.378.096.920	8.607.972	1.386.704.892
- Thanh lý, nhượng bán	(1.615.306.979)	-	(1.615.306.979)
Số dư cuối năm	8.990.646.568	30.845.234	9.021.491.802
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	4.177.677.719	20.802.619	4.198.480.338
Số dư cuối năm	4.907.595.932	12.194.647	4.919.790.579

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm				Số đầu năm (Phân loại lại)				Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư vào công ty liên kết (*)		5.852.970.129	-	5.852.970.129	6.260.740.000	6.260.740.000	-	6.260.740.000	
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	5.852.970.129	-	5.852.970.129	626.074	6.260.740.000	-	6.260.740.000	
Đầu tư cổ phiếu (**)		89.734.549.500	5.495.044.558	84.239.504.942	87.919.549.500	3.906.238.752	3.906.238.752	84.013.310.748	
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.500.736.533	27.089.263.467	1.250.000	28.590.000.000	1.227.645.953	27.362.354.047	
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	26.985.200.000	1.032.232.514	25.952.967.486	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	
Công ty Cổ phần Atanti Holdings	1.371.000	13.710.000.000	2.602.075.511	11.107.924.489	1.189.500	11.895.000.000	2.418.139.101	9.476.860.899	
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000	260.453.698	5.739.546.302	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	360.000.000	-	36.000	360.000.000	-	360.000.000	
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	14.689	115.000.000	-	115.000.000	
Đầu tư dài hạn khác		44.034.265.957	-	44.034.265.957	43.634.265.957	43.634.265.957	-	43.634.265.957	
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000	
Dự án Thanh Trì - Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì		5.862.765.957	-	5.862.765.957		5.862.765.957	-	5.862.765.957	
Dự án Quản lý xe buýt - Công ty Cổ phần Transmedia		400.000.000	-	400.000.000		-	-	-	
TỔNG CỘNG		139.621.785.586	5.495.044.558	134.126.741.028	137.814.555.457	3.906.238.752	3.906.238.752	133.908.316.705	

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tại định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	42,97%	42,97%

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	6.260.740.000
Số cuối năm	6.260.740.000
Phản lỗ lũy kế:	
Số đầu năm	-
Lỗ trong năm	(407.769.871)
Số cuối năm	(407.769.871)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	6.260.740.000
Số cuối năm	5.852.970.129

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn ("Công ty Bắc Kạn") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4700162684 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 8 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại số 91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.

Công ty Bắc Kạn đã nhận được quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 8 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc đóng cửa mỏ đồng Khuổi Kim – Nà Pi, xã Liêm Thủy, huyện Na Rì đã giao cho Công ty Bắc Kạn trước đó và giao đất cho UBND xã Liêm Thủy, huyện Na Rì quản lý với diện tích là 272,4 ha.

Sau đó, Công ty Bắc Kạn đã gửi công văn số 08/CV ngày 9 tháng 8 năm 2017 lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn để xin tiếp tục cấp phép đánh giá và khai thác khoáng sản tại mỏ quặng đồng tại thôn Nà Pi, xã Liêm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với diện tích 45 ha. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Bắc Kạn vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi của UBND Tỉnh Bắc Kạn về công văn yêu cầu này.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Ciena Communications Inc	21.886.025.097	21.886.025.097	20.227.566.468	20.227.566.468
Công ty TNHH phân phối FPT Công ty SIAE Microelettronica S.p.A	8.748.381.510	8.748.381.510	-	-
Công ty Cổ phần Giao thông Công nghệ Thông tin Tân Cảng	6.998.075.000	6.998.075.000	11.101.710.248	11.101.710.248
Công ty Hudson Capital Holding Ltd	-	-	17.411.030.126	17.411.030.126
Phải trả đối tượng khác	31.834.644.704	31.834.644.704	68.856.285.832	68.856.285.832
TỔNG CỘNG	<u>72.582.173.571</u>	<u>72.582.173.571</u>	<u>133.171.828.774</u>	<u>133.171.828.774</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc và Xây dựng D.T.C		4.662.411.515		-
Tổng công ty viễn thông Mobifone		4.233.071.288		-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Hà Phan		1.394.060.664		-
Cục Công nghệ Thông tin		-		7.341.257.600
Công ty Cổ phần VETC		-		2.456.012.750
Người mua trả tiền trước khác		731.684.293		1.050.185.330
Các bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 29</i>)		-		8.959.942.517
TỔNG CỘNG		<u>11.021.227.760</u>		<u>19.807.398.197</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	9.133.540.762	8.078.506.212	17.021.063.143	190.983.831
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.197.279.306	2.197.279.306	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.201.314.892	11.172.512.695	11.068.808.919	3.305.018.668
Thuế thu nhập cá nhân	426.963.150	5.861.468.999	6.047.372.892	241.059.257
Thuế nhà thầu	411.180.263	6.836.422.827	6.624.064.908	623.538.182
Các loại thuế khác	113.571.079	85.842.083	86.352.565	113.060.597
TỔNG CỘNG	<u>13.286.570.146</u>	<u>34.232.032.122</u>	<u>43.044.941.733</u>	<u>4.473.660.535</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả hàng nhận bảo hành	1.088.266.013	274.690.908
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	885.264.713	885.264.713
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	825.310.408	815.660.688
Kinh phí công đoàn	621.745.752	830.673.979
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.059.649.197	597.042.633
TỔNG CỘNG	<u>4.480.236.083</u>	<u>3.403.332.921</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm		Số có khả năng trả nợ		
	Giá trị	18.467.100.000				18.504.500.003	-	
Vay ngắn hạn								
Vay dài hạn đến hạn trả	18.467.100.000	18.467.100.000	18.504.500.003	-	-	36.971.600.003	36.971.600.003	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	58.281.288.917	58.281.288.917	182.880.016.729	(196.233.571.786)	137.976.588	45.065.710.448	45.065.710.448	
	76.748.388.917	76.748.388.917	201.384.516.732	(196.095.595.198)	137.976.588	82.037.310.451	82.037.310.45*	
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	65.049.335.834	65.049.335.834	8.297.273.718	(18.504.500.003)	-	54.842.109.549	54.842.109.549	
	65.049.335.834	65.049.335.834	8.297.273.718	(18.504.500.003)	-	54.842.109.549	54.842.109.549	
TỔNG CỘNG	141.797.724.751	141.797.724.751	209.681.790.450	(214.600.095.201)	-	136.879.420.000	136.879.420.000	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16.	VAY (tiếp theo)	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
16.1	Các khoản vay ngắn hạn					
	Bên cho vay					
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	45.065.710.448	1.978.302	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 28 tháng 1 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	2,2%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
	TỔNG CỘNG	45.065.710.448	1.978.302			
16.2	Các khoản vay dài hạn					
	Bên cho vay		Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội	91.813.709.549	91.813.709.549	Gốc và lãi vay được trả hàng năm, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2022	9,60%	Khoản vay được thế chấp bằng khoản phải thu từ dự án VTS Hải Phòng (Thuyết minh số 6.1)
	TỔNG CỘNG	91.813.709.549				
	Trong đó:					
	- Vay dài hạn đến hạn trả	36.971.600.003				
	- Vay dài hạn	54.842.109.549				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	13.047.974.413	2.982.328.639
TỔNG CỘNG	13.047.974.413	2.982.328.639
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	-	26.764.559.676
TỔNG CỘNG	-	26.764.559.676

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty và các công ty con đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty và các công ty con được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty và các công ty con ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ 1 đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	7.016.047.867	2.820.781.904
Trích lập trong năm (<i>Thuyết minh số 19.1</i>)	9.500.000.000	7.500.000.000
Sử dụng trong năm	(3.162.837.494)	(3.304.734.037)
Số dư cuối năm	13.353.210.373	7.016.047.867

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Năm trước	Số dư đầu năm	Tăng vốn	Lợi nhuận thuần trong năm	Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con	Cổ tức công bố	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	Mua lại cổ phiếu quỹ	Số dư cuối năm	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
	415.719.980.000	50.253.770.000	-	-	-	-	-	-	465.973.750.000	88.712.010.000	(15.000.000)	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	161.900.498.675	18.845.927.577	722.872.171.828	
	-	-	-	-	-	-	-	-	50.253.770.000	(15.000.000)	-	-	-	(42.253.770.000)	-	-	7.985.000.000	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	94.739.146.981	(601.252.555)	-	94.137.894.426	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.462.927.844)	-	(6.462.927.844)	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	-	(24.873.298.800)	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	-	-	(7.500.000.000)	
	-	-	-	-	-	-	-	(71.500.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(71.500.000)	
	465.973.750.000	10.000.000.000	33.308.680.000	-	-	-	-	-	465.973.750.000	88.697.010.000	(20.000.000)	(1.353.000.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	180.012.576.856	11.781.747.178	786.087.339.610	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.980.000.000	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	44.832.624.172	251.804.573	-	45.084.428.745	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(71.310.882.000)	-	-	(38.002.202.000)	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	-	-	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.500.000.000)	-	-	(9.500.000.000)	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.165.000.000	(1.165.000.000)	-	-	-	-	
	-	-	-	-	-	-	-	(48.900.000)	-	-	-	(48.900.000)	-	-	-	-	(48.900.000)	
	509.282.430.000	-	-	-	-	-	-	-	509.282.430.000	88.677.010.000	(236.900.000)	(236.900.000)	37.410.255.576	5.200.000.000	141.234.319.028	12.033.551.751	793.600.666.355	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2017/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 2 năm 2017 về việc phát hành và niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Số cổ phiếu này được chính thức niêm yết từ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

(**) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 001/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017, vào ngày 15 tháng 8 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-08/2017/NQ-HĐQT về việc trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 7% (một cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 7 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu được phát hành thêm là 3.330.868 cổ phiếu, chính thức niêm yết từ ngày 17 tháng 10 năm 2017. Bên cạnh đó, Công ty cũng công bố và chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 8% với số tiền là 38 tỷ VND.

(***) Cũng theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 nói trên, vào ngày 7 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-06/2017/NQ-HĐQT về việc sử dụng 116.500 cổ phiếu quỹ để thưởng cho người lao động trong Công ty từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Số cổ phiếu này được chuyển quyền sở hữu vào ngày 17 tháng 7 năm 2017.

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	509.282.430.000	509.282.430.000	-	465.973.750.000	465.973.750.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.677.010.000	88.677.010.000	-	88.697.010.000	88.697.010.000	-
Cổ phiếu quỹ	(236.900.000)	(236.900.000)	-	(1.353.000.000)	(1.353.000.000)	-
TỔNG CỘNG	597.722.540.000	597.722.540.000	-	553.317.760.000	553.317.760.000	-

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	465.973.750.000	415.719.980.000
Tăng vốn trong năm	43.308.680.000	50.253.770.000
Số cuối năm	509.282.430.000	465.973.750.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	71.310.882.000	24.873.298.800

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	71.310.882.000	24.873.298.800
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	71.310.882.000	24.873.298.800
- Cổ tức cho năm 2015: 600 VND/cổ phiếu	-	24.873.298.800
- Cổ tức cho năm 2016: 1.500 VND/cổ phiếu	71.310.882.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	-

19.5 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	50.928.243	46.597.375
Cổ phiếu đã phát hành	50.928.243	46.597.375
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	50.928.243	46.597.375
Cổ phiếu phổ thông	50.928.243	46.597.375
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	9.490	123.000
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	9.490	123.000
Cổ phiếu phổ thông	9.490	123.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	50.918.753	46.474.375
Cổ phiếu phổ thông	50.918.753	46.474.375
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết tại sàn HOSE theo mã chứng khoán là ELC.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	14.243,51	115.636,36
Bảng Anh (GBP)	990,14	990,14
Nợ khó đòi đã xử lý	6.057.777.778	6.057.777.778

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Công ty Cổ phần Elcom Plus</i>	<i>Công ty TNHH VTS Hải Phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	6.039.124.986	5.742.622.192	11.781.747.178
Phần (lỗ)/lợi nhuận thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm	(360.754.660)	612.559.233	251.804.573
Số cuối năm	<u>5.678.370.326</u>	<u>6.355.181.425</u>	<u>12.033.551.751</u>

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	561.394.684.029	1.301.579.187.148
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	308.968.837.476	848.240.053.182
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	225.966.046.953	401.249.261.746
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	26.459.799.600	52.041.263.130
<i>Doanh thu khác</i>	-	48.609.090
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>561.394.684.029</u>	<u>1.301.579.187.148</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	531.604.003.288	1.293.973.096.319
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	29.790.680.741	7.606.090.829

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.941.385.508	3.183.915.645
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	3.770.567.600	11.591.133.576
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.087.623.931	2.135.200.052
Cổ tức, lợi nhuận được chia	263.590.051	350.440.200
Doanh thu tài chính khác	58.193	48.766
TỔNG CỘNG	<u>12.063.225.283</u>	<u>17.260.738.239</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	284.507.831.809	678.518.528.694
Giá vốn dịch vụ cung cấp	122.173.674.460	319.359.362.971
Giá vốn thành phẩm phần mềm	13.800.747.432	25.568.397.260
Giá vốn thành phẩm khác	-	43.962.601
TỔNG CỘNG	<u>420.482.253.701</u>	<u>1.023.490.251.526</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	1.815.083.267	10.748.143.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	600.068.411	1.595.903.805
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư	(1.373.866.027)	543.898.350
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	1.568.050.108
Chi phí tài chính khác	253.299	420.090
TỔNG CỘNG	<u>1.041.538.950</u>	<u>14.456.415.781</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng bảo hành thành phẩm phần mềm	(295.904.696)	550.272.731
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng bảo hành phần cứng	(11.619.281.774)	19.446.379.477
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	-	316.281.799
Chi phí bán hàng khác	14.280.679.060	16.456.838.671
TỔNG CỘNG	<u>2.365.492.590</u>	<u>36.769.772.678</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	67.097.390.578	68.862.177.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.109.165.615	11.410.217.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.323.639.023	5.342.854.084
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.290.068.390	23.526.816.301
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.074.294.194	20.916.851.768
Phân bổ lợi thế thương mại	-	4.314.520.000
TỔNG CỘNG	<u>96.894.557.800</u>	<u>134.373.436.893</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	5.267.031.718	4.262.402.953
Chiết khấu/thưởng từ nhà cung cấp	2.559.168.087	2.723.448.185
Lãi từ thanh lý TSCĐ	2.426.726.610	411.500.000
Thu phạt chậm hợp đồng	-	454.776.011
Các khoản khác	281.137.021	672.678.757
Chi phí khác	699.972.208	2.446.035.899
Phạt chậm hợp đồng	-	1.069.619.343
Phạt chậm nộp thuế từ các năm trước	237.328.058	907.462.142
Các khoản khác	462.644.150	468.954.414
LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	4.567.059.510	1.816.367.054

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa	279.974.630.156	824.736.991.549
Chi phí nhân công	84.820.759.940	89.931.737.803
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	23.488.348.571	33.360.478.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.412.525.675	154.751.167.527
Chi phí khác bằng tiền	26.046.039.749	91.853.085.913
TỔNG CỘNG	519.742.304.091	1.194.633.461.097

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty và Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom (công ty con) được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và công ty con này trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty và các công ty con áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.982.191.010	17.140.242.714
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	190.321.685	386.030.070
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	576.414.470	(97.751.647)
TỔNG CỘNG	<u>11.748.927.165</u>	<u>17.428.521.137</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.833.355.910	111.566.415.563
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty	11.604.243.075	21.135.548.529
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.171.711.693	1.057.639.241
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận	1.523.111.972	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	576.414.470	(97.751.647)
Chi phí thuế TNDN năm trước trích thiếu	190.321.685	386.030.070
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	166.373.152	130.158.402
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản năm nay	2.240.459	-
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(3.119.151.926)	(5.103.197.863)
Chuyển lỗ từ các năm trước	(313.619.405)	-
Thu nhập đã tính thuế từ hoạt động đầu tư	(52.718.010)	(70.088.040)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản năm nay	-	(9.817.555)
Chi phí thuế TNDN	<u>11.748.927.165</u>	<u>17.428.521.137</u>

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	1.058.149.220	1.634.563.690	576.414.470	(97.751.647)
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			576.414.470	(97.751.647)

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 14.945.231.966 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
2014	2019	891.670.398	532.067.349	-	359.603.049
2015	2020	845.947.265	845.947.265	-	-
2016	2021	1.135.269.585	190.082.411	-	945.187.174
2017 (*)	2022	13.640.441.743	-	-	13.640.441.743
TỔNG CỘNG		16.513.328.991	1.568.097.025	-	14.945.231.966

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Thu hồi gốc vay Cho vay không lãi	600.000.000 -	- 600.000.000
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Bán hàng hóa Trả trước tiền hàng	25.337.276.331 -	7.606.090.829 16.288.578.954
Công ty Cổ phần Pan-Farm	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Bán hàng hóa Trả trước tiền hàng	2.755.785.018 -	- 1.038.063.474
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Góp vốn Cho thuê văn phòng	1.815.000.000 1.697.619.392	- 1.783.060.622
Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	300.000.000	300.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã trích lập 4.201.446.558 VND dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu khác từ các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.086.047.503	5.842.032.507
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.181.705.930	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	597.770.779	597.770.779
TỔNG CỘNG			9.865.524.212	6.439.803.286

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Ông Trần Hùng Giang (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất	5.980.000.000	5.980.000.000
TỔNG CỘNG			13.000.000.000	13.000.000.000

(*) Đây là các khoản trả trước tiền đất theo Biên bản Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư ngày 2 tháng 1 năm 2015 giữa Công ty và các bên liên quan trên.

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Phải thu cho vay không lãi Lãi vay	3.281.000.000 408.885.279	3.881.000.000 408.885.279
TỔNG CỘNG			3.689.885.279	4.289.885.279

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)

Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Trả trước tiền hàng	-	7.921.879.043
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Trả trước tiền hàng	-	1.038.063.474
TỔNG CỘNG			-	8.959.942.517

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	4.932.561.503	4.831.646.925
TỔNG CỘNG	4.932.561.503	4.831.646.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.832.624.172	94.739.146.981
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(9.500.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>44.832.624.172</u>	<u>85.239.146.981</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.643.844	49.548.533
<i>Ảnh hưởng suy giảm do</i>		
Cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>50.643.844</u>	<u>49.548.533</u>
- <i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	885	1.720
- <i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	885	1.720

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
Doanh thu của các bộ phận	26.459.799.600	308.968.837.476	225.966.046.953	-	561.394.684.029
Giá vốn của các bộ phận	13.800.747.432	284.507.831.809	122.173.674.460	-	420.482.253.701
Kết quả	12.659.052.168	24.461.005.667	103.792.372.493	-	140.912.430.328
Lợi nhuận/(lỗ) góp trước thuế của bộ phận					(84.079.074.418)
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)					56.833.355.910
Lợi nhuận thuần trước thuế					(11.748.927.165)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoàn lại					45.084.428.745
Lợi nhuận thuần sau thuế					560.582.751.982
Tài sản và công nợ					496.102.424.772
Tài sản bộ phận	26.421.531.409	308.521.983.048	225.639.237.525	-	1.056.685.176.754
Tài sản không phân bổ (**)					95.033.493.530
Tổng tài sản					168.051.016.869
Công nợ bộ phận	4.479.143.222	52.302.575.804	38.251.774.504		263.084.510.399
Công nợ không phân bổ (***)					
Tổng công nợ					

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm khác (Sản phẩm eBop)	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Doanh thu của các bộ phận	54.226.893.525	821.596.372.787	425.707.311.746	48.609.090	-	1.301.579.187.48
Giá vốn của các bộ phận	30.964.372.040	652.834.124.843	339.647.792.042	43.962.601	-	1.023.490.251.526
Kết quả	23.262.521.485	168.762.247.944	86.059.519.704	4.646.489	-	278.088.935.622
Lợi nhuận gộp của bộ phận						(166.522.520.059)
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)						111.566.415.563
Lợi nhuận thuần trước thuế						(17.428.521.137)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoãn tại						<u>94.137.894.426</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế						
Tài sản và công nợ						686.766.814.238
Tài sản bộ phận	28.612.343.590	433.508.102.388	224.620.720.101	25.648.159	-	473.703.596.658
Tài sản không phân bổ (**)						
Tổng tài sản						<u>1.160.470.410.896</u>
Công nợ bộ phận	8.004.580.305	121.278.091.313	62.839.822.493	7.175.321	-	192.129.669.432
Công nợ không phân bổ (***)						182.253.401.854
Tổng công nợ						<u>374.383.071.286</u>

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

(***) Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào thời điểm cuối năm, Công ty và các công ty con có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.776.840.000	2.070.600.000
Trên 1 – 5 năm	2.852.815.333	-
TỔNG CỘNG	4.629.655.333	2.070.600.000

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.860.131.808	3.051.208.560
Trên 1 – 5 năm	3.442.583.904	-
TỔNG CỘNG	5.302.715.712	3.051.208.560

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

STT	<i>Bên nhận đầu tư</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
		<i>Cam kết góp vốn của Công ty</i>	<i>Số vốn thực góp</i>	<i>Số vốn chưa góp</i>
1	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
2	Công ty Cổ phần Atani Holdings	22.500.000.000	13.710.000.000	8.790.000.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
	TỔNG CỘNG	513.418.000.000	70.602.240.000	442.815.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết liên quan đến hợp đồng BT

Công ty TNHH VTS Hải Phòng, công ty con của Công ty, đã thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý hành hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hợp đồng số 03/2015/HĐBT-CHHVN ngày 21 tháng 1 năm 2015 với Cục Hàng hải Việt Nam ("HHVN"), hình thức hợp đồng BT, với tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 174.042 triệu VND, trong đó số tiền tạm tính sẽ hoàn trả cho chủ đầu tư (Công ty TNHH VTS Hải Phòng) là 171.115 triệu VND và số tiền 1.926 triệu VND do cục HHVN chi trả. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty con này chưa ghi nhận doanh thu và số tiền phải thu trong tương lai liên quan đến lãi vay được bồi hoàn trong thời gian thanh toán (từ tháng 8 năm 2015 đến hết năm 2022) do công ty con chưa quyết toán được phần lãi vay này với Cục HHVN.

33. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại)
--	---------------	---

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.204.557.842	(5.862.765.957)	341.791.885
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125.691.049.500	5.862.765.957	131.553.815.457

Ngoài ra, Công ty cũng trình bày lại các khoản mục Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 30.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

		
Người lập Chu Hồng Hạnh	Kế toán trưởng Đặng Thị Thanh Minh	Tổng Giám đốc Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018